

Số: 345/2026/QĐST-HNGĐ

K, ngày 03 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA T
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 576/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 2003;

Nơi cư trú: Thôn P, xã Vg, tỉnh K.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Quốc V, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Thôn Ph 2, xã V, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc T tình ly hôn và thỏa T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự T tình ly hôn giữa bà **Huỳnh Thị Thu T** và ông **Phạm Quốc V**.

2. Công nhận sự thỏa T của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Huỳnh Thị Thu T và ông Phạm Quốc V T tình ly hôn.

- **Về con chung:** Giao con chung là cháu Phạm Hoàng Uy V, sinh ngày 29/6/2021 cho bà Huỳnh Thị Thu T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Ông V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Huỳnh Thị Thu T và ông Phạm Quốc V đều xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về án phí*: Bà Huỳnh Thị Thu T và ông Phạm Quốc V mỗi người phải nộp 75.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T tự nguyện nộp thay án phí hôn nhân và gia đình cho ông V. Tổng cộng, bà T phải nộp 150.000đ án phí nhưng được trừ vào 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho bà T số tiền 150.000đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/26E số 0003142 ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh K.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND KV 4 – K;
- THADS tỉnh K ;
- Các đương sự;
- UBND xã Vạn Ninh
(xã Vạn Phú cũ), tỉnh K
(GKH số: 60/2021 ngày 22/12/2021);
- Lưu AV và HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thủy

